Tạp chí khoa học Trường Đại học Bạc Liêu
BLUNI Journal of Science
ISSN: 2734-973X
Số 9(9), 9-19 (2025)

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGÀNH CHĂN NUÔI TẠI XÃ KHÁNH BÌNH, LƯƠNG THẾ TRÂN VÀ TRẦN VĂN THỜI THUỘC TỈNH CÀ MAU

CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS FOR THE DEVELOPMENT OF LIVESTOCK FARMING IN KHANH BINH AND LUONG THE TRAN COMMUNES, TRAN VAN THOI DISTRICT, CA MAU PROVINCE

Dư Phương Trang Đài, Nguyễn Thị Cà*, Phạm Văn Tráng, Sử Huỳnh Anh

Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau
* tomato17021989@gmail.com

Ngày nhận bài: *01/8/2025*
Ngày chấp nhận đăng: *25/9/2025*

Keywords: *Current situation, solutions, livestock farming techniques, livestock farming models.*

ABTRACTS

This study on the current situation and development solutions for livestock farming was conducted to assess the existing livestock farming models in Khanh Binh, Luong The Tran, and Tran Van Thoi communes, Ca Mau Province. Based on the assessment, a SWOT analysis was performed to propose solutions aimed at improving production efficiency and increasing household income. Data were collected through random interviews with 40 households across the three communes. The collected data were synthesized and statistically analyzed using SPSS software. The research results showed that the district has considerable potential and advantages for livestock farming, such as an abundant and experienced labor force, readily available feed sources, and favorable natural, environmental, and climatic conditions. Furthermore, livestock farming contributes significantly to income generation and employment opportunities for local people. However, the sector still faces several difficulties and limitations, including limited capital, poor disease control, and unstable market demand. Therefore, timely, synchronized, and effective policies and solutions are needed to address these challenges and promote sustainable livestock farming development.

TÓM TẮT

Nghiên cứu về thực trạng và giải pháp phát triển chăn nuôi được tiến hành nhằm đánh giá thực trạng về mô hình chăn nuôi tại xã Khánh Bình, Lương Thế Trân và Trần Văn thời thuộc tỉnh Cà Mau, từ đó phân tích SWOT để đưa ra một số giải pháp giúp nâng cao hiệu quả sản xuất và tạo thu nhập cho hộ dân. Dữ liệu được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn ngẫu nhiên 40 hộ gia đình ở 3 xã thuộc tỉnh Cà Mau. Số liệu được tổng hợp và phân tích thống kê bằng phần mềm SPSS. Kết quả nghiên cứu cho thấy huyện có nhiều tiềm năng và lợi thế lớn để phát triển chăn nuôi như nguồn lao

Từ khóa: *Thực trạng, giải pháp, kỹ thuật chăn nuôi, mô hình chăn nuôi.*

động dồi dào, giàu kinh nghiệm, nguồn thức ăn sẵn có phục vụ cho chăn nuôi, điều kiện tự nhiên, môi trường, khí hậu thuận lợi. Hơn nữa, ngành chăn nuôi còn tạo thu nhập và giải quyết công ăn việc làm cho người dân. Bên cạnh những thuận lợi thì ngành nghề này còn một số khó khăn hạn chế như nguồn vốn hạn chế, dịch bệnh chưa kiểm soát tốt, đầu ra chưa ổn định. Do đó, cần áp dụng chính sách và giải pháp kịp thời, đồng bộ và hiệu quả để khắc phục khó khăn và thúc đẩy chăn nuôi phát triển.

1. Đặt vấn đề

Ngành chăn nuôi đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế nông nghiệp của tỉnh Cà Mau, đặc biệt là tại các vùng nông thôn nơi mà sản xuất nông nghiệp gắn liền với đời sống của người dân, điển hình là xã Khánh Bình, xã Lương Thế Trân và xã Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (địa giới mới sau 1/7/2025). Nơi đây, người dân sống bằng nhiều ngành nghề khác nhau, trong đó ngành chăn nuôi giữ một vị trí vô cùng quan trọng không chỉ cung cấp thực phẩm mà còn góp phần tạo công ăn việc làm, đem lại thu nhập và cải thiện đời sống cho người dân địa phương. Với những lợi thế về điều kiện tự nhiên, kỹ thuật sản xuất và sự gia tăng nhu cầu tiêu dùng, ngành chăn nuôi được đánh giá là ngành có tiềm năng phát triển. Hơn nữa, việc thúc đẩy phát triển ngành chăn nuôi không những đóng góp vào việc đảm bảo an ninh lương thực mà còn thúc đẩy phát triển kinh tế hộ gia đình nói riêng và kinh tế địa phương nói chung.

Tuy nhiên, việc phát triển ngành chăn nuôi ở các xã đang phải đối mặt với nhiều thách thức và khó khăn. Các vấn đề như dịch bệnh, nguồn vốn, thị trường tiêu thụ chưa ổn định và sự biến động của giá cả con giống đã ảnh hưởng đáng kể đến năng suất và hiệu quả kinh tế. Hơn nữa, quy mô nuôi hiện nay chủ yếu nhỏ lẻ, tự phát, mang tính truyền thống, ít áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất (Nguyễn Văn Thu và Nguyễn Thị Kim Đông, 2023). Với tình hình biến đổi khí hậu như hiện nay thì mô hình chăn nuôi cần phải vừa đảm bảo thích nghi vừa nâng cao hiệu quả sản xuất là thách thức lớn (Nguyen Van Thu, 2015). Để phát triển sản xuất chăn nuôi bền vững thì trước hết cần phải đánh giá thực trạng chăn nuôi, từ đó đề xuất một số giải pháp thiết thực. Qua đó, không chỉ giúp nhận diện rõ những thuận lợi và khó khăn, mà còn tìm ra các giải pháp phát triển ngành chăn nuôi hiệu quả. Những giải pháp này không chỉ giúp cải thiện thu nhập cho người dân mà còn đóng góp vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Vì vậy, đề tài **"Thực trạng và giải pháp phát triển ngành chăn nuôi tại xã Khánh Bình, Lương Thế Trân, Trần Văn Thời thuộc tỉnh Cà Mau"** được thực hiện với mục tiêu phân tích cụ thể thực trạng ngành chăn nuôi tại địa phương, chỉ ra các vấn đề còn tồn tại, phân tích thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức (SWOT). Từ đó đề xuất các giải pháp mang tính thực tiễn, nhằm phát triển ngành chăn nuôi theo hướng bền vững và hiệu quả trong tương lai.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, nhóm tiến hành phỏng vấn ngẫu nhiên 40 hộ ở 3 xã khác nhau thuộc tỉnh với 40 phiếu khảo sát được soạn sẵn. Sau khi thu thập, số liệu được tổng hợp, phân tích thống kê tần số, thống kê mô tả và vẽ các biểu bảng bằng Excel và phần mềm SPSS. Dựa trên kết quả phỏng vấn hộ gia đình và quan sát thực tế ở địa phương, nhóm tiến hành phân tích SWOT (điểm mạnh, khó khăn, cơ hội và thách thức) của ngành chăn nuôi nhằm tận dụng và phát huy những điểm mạnh và cơ hội, khắc phục những khó khăn và vượt qua thách thức bằng cách đề xuất giải pháp phát triển ngành nghề này.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng ngành chăn nuôi

3.1.1. Thực trạng về hộ dân tham gia chăn nuôi

Kết quả khảo sát ở Bảng 1 cho thấy phần lớn hộ gia đình đều có chăn nuôi. Trong 40 hộ

khảo sát thì có 37 hộ chăn nuôi, chiếm 92,5%. Trong các hộ chăn nuôi thì đa phần nằm trong nhóm tuổi khá cao từ 40 – 59 (51,4%) và trên 60 tuổi (37,8%). Điều này cho thấy rằng công việc này không chỉ thu hút người nằm trong độ tuổi lao động mà cũng có thể tận dụng lao động nhàn rỗi từ người ngoài tuổi lao động. Những người trẻ tuổi hơn (độ tuổi từ 20 - 40) ở địa phương ít tham gia chăn nuôi hơn vì có thể họ đi học hoặc đi làm ở nơi khác. Tuy nhiên, đa phần công việc chăn nuôi không phải là thu nhập chính của gia đình, chiếm 78,4% hộ. Qua đó cho thấy rằng công việc chăn nuôi chỉ là công việc phụ thêm thu nhập cho gia đình.

Bảng 1. Tình hình hộ dân tham gia chăn nuôi

Chỉ tiêu		Số con/hộ	Số hộ	Phần trăm (%)
Hộ chăn nuôi	Có		37	92,5
	Không		3	7,5
Nhóm tuổi	20 - 39		04	10,8
	40 - 59		19	51,4
	> 60		14	37,8
Hộ có thu nhập chính từ chăn nuôi	Có		8	21,6
	Không		29	78,4
Diện tích chăn nuôi	< 500 m^2		12	34,3
	500 - 1000 m^2		11	31,4
	1000 - 2000 m^2		9	25,7
	2000 - 3000 m^2		1	2,9
	> 3000 m^2		2	5,7
Loài nuôi chính	Heo	6,7±7,1	15	22,4
	Gà	52,0±53,2	28	41,8
	Ngỗng	2±0	1	1,5
	Vịt	130,6±517,0	23	34,3
Mục đích nuôi	Lấy lông		10	10,3
	Lấy thịt		37	38,1
	Để giống		22	22,7
	Lấy trứng		28	28,9
Nguồn thức ăn	Tự chế biến		2	5,4
	Công nghiệp		4	10,8
	Kết hợp		31	83,8

Diện tích nuôi tương đối nhỏ dưới 2000 m^2, chiếm 91,4% (Bảng 1). Trong số các loài vật nuôi được khảo sát như heo, dê, gà, ngỗng, bò, cừu, vịt, trâu, thỏ, cút và những loài khác thì người dân tập trung nuôi nhiều nhất là gà với số lượng trung bình 52 con/hộ, chiếm 41,8% hộ nuôi, kế đến là nuôi vịt với số lượng trung bình 130,6 con/hộ, chiếm 34,3% hộ nuôi và nuôi heo với trung bình 6,7 con/hộ, chiếm 22,4% hộ nuôi (Hình 1). Các vật nuôi còn lại hầu như không được nuôi, trong đó số hộ nuôi ngỗng không đáng kể, chỉ có 1,5% hộ nuôi.

Hình 1. Các nông trại chăn nuôi ở địa phương (a) nuôi heo, (b) nuôi gà và (c) nuôi vịt

Qua điều tra về mục đích nuôi thì hầu hết các hộ nuôi để lấy thịt, lấy lông, lấy trứng và để làm giống. Đối với gia cầm thì nhiều hộ vừa lấy lông, lấy thịt, để làm giống và lấy trứng. Đối với nuôi heo thì người dân nuôi chủ yếu lấy thịt và để làm giống. Đa số hộ gia đình nuôi vừa để bán vừa để cung cấp thực phẩm cho gia đình. Điều này vừa giúp cải thiện bửa ăn gia đình vừa có thể tiết kiệm được chi phí sinh hoạt. Nguồn thức ăn được sử dụng kết hợp cả nguồn địa phương và thức ăn công nghiệp. Tại điểm điểm khảo sát, người dân làm nghề trồng lúa và rau màu là chủ yếu. Vì vậy, họ có thể tận dụng nguồn thức ăn có sẵn từ gia đình và đôi khi kết hợp với thức ăn công nghiệp để cung cấp dinh dưỡng thúc đẩy tăng trưởng cho vật nuôi. Chính vì thế, có thể giảm một phần nào chí phí thức ăn.

3.1.2. Thực trạng về nguồn nhân lực và nguồn vốn sản xuất

Theo kết quả khảo sát về nguồn nhân lực tham gia sản xuất chăn nuôi cho thấy mỗi hộ có trung bình 4,6 người trong đó có trung bình 2,2 người tham gia sản xuất nằm trong độ tuổi lao động (Bảng 2). Đây là nguồn nhân lực chính để tham gia sản xuất, trong đó có lĩnh vực chăn nuôi. Hộ chăn nuôi có nhiều năm kinh nghiệm, trung bình 16,5 năm, cao nhất là 40 năm kinh nghiệm. Điều này cho thấy ngành nghề chăn nuôi đã có từ lâu và duy trì đến nay. Người dân sản xuất dựa vào nguồn vốn có sẵn từ gia đình là chủ yếu (87,2%). Vì quy mô nuôi tương đối nhỏ (< 2000m^2) nên họ có khả năng tự đầu tư do chi phí đầu tư không lớn lắm. Có ít hộ nhận được sự hỗ trợ từ Nhà nước (12,8%) và không có hộ nào vay vốn từ ngân hàng để chăn nuôi. Theo Nghị định 106/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 1/8/2024 quy định về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi thì hiện nay chỉ có 12,8% hộ nhận được hỗ trợ. Qua đó có thể cho thấy rằng chính sách hỗ trợ của Chính phủ vẫn chưa được phổ biến rộng rãi và chưa được người dân tiếp cận nhiều. Với nguồn vốn hạn chế từ hộ gia đình nên người dân chỉ nuôi với quy mô nhỏ, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và ít áp dụng tiến bộ khoa kỹ thuật.

Bảng 2. Tình hình nhân lực và nguồn vốn sản xuất

Chỉ tiêu	**Min**	**Max**	**Trung bình**
Số nhân khẩu/hộ	1	8	4,6±1,8
Số nhân khẩu trong độ tuổi lao động/hộ	0	5	2,2±1,2
Số năm nuôi	0	40	16,5±12,4
		Số hộ	**Phần trăm (%)**
Nguồn vốn	Có sẵn	34	87,2
	Hỗ trợ từ chương trình Nhà Nước	5	12,8
	Vay ngân hàng	0	0

3.1.3. Tình hình tiêu thụ và hiệu quả kinh tế

Một trong những yếu tố quyết định sự thành công của bất kỳ mô hình kinh doanh là thị trường tiêu thụ sản phẩm. Một sản phẩm được tiêu thụ càng nhiều, thị trường càng mở rộng thì càng thu nhiều lợi nhuận. Theo kết quả Bảng 3 cho thấy thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi chỉ giới hạn trong phạm vi phục vụ cho khách hàng trong tỉnh. Có đến 82,9% hộ chăn nuôi bán trong tỉnh, trong khi chỉ có 9,8% hộ chăn nuôi bán ngoài tỉnh và không có hộ nào xuất khẩu sang nước ngoài. Một số ít hộ chăn nuôi chủ yếu để ăn và không bán (7,3% hộ). Thị trường tiêu thụ càng hạn hẹp thì càng giới hạn số lượng sản phẩm bán đi. Mặc dù vậy, theo ý kiến của người dân thì hầu hết cho rằng tình hình tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi ở mức bình thường (48,6%) và dễ tiêu thụ (40,5%). Ngoài ra, về giá cả thì được đánh giá là tương đối ổn định (51,4% hộ). Có 29,7% hộ không rõ mức giá như thế nào là do có một số hộ nuôi không bán và một số hộ nuôi theo chương trình hỗ trợ bao tiêu sản phẩm nên họ không rõ giá cả. Từ thực tế trên nếu tăng số lượng cũng như diện tích chăn nuôi và mở rộng thị trường thì có thể đây cũng là ngành nghề có tiềm năng phát triển.

Bảng 3. Tình hình tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi

Chỉ tiêu		Số hộ	Phần trăm (%)
Thị trường tiêu thụ sản phẩm	Trong tỉnh	34	82,9
	Ngoài tỉnh	4	9,8
	Xuất khẩu	0	0
	Khác (không bán)	3	7,3
Tình hình tiêu thụ sản phẩm	Dễ dàng	15	40,5
	Bình thường	18	48,6
	Khó khăn	3	10,9
Độ ổn định của giá	Ổn định	19	51,4
	Không ổn định	7	18,9
	Không rõ	11	29,7

Mặc dù không phải là nguồn thu nhập chính nhưng chăn nuôi tạo thu nhập cho hộ gia đình khá cao. Bảng 4 cho thấy lợi nhuận mang lại cho gia đình trung bình khoảng 42,3 triệu/năm hoặc 3,5 triệu/tháng. Điều này có thể khẳng định rằng ngành chăn nuôi mang lại hiệu quả khá cao, giúp người dân có thêm thu nhập, tạo công ăn việc làm và giảm chi phí sinh hoạt.

Bảng 4. Hiệu quả kinh tế

Chỉ tiêu	Đơn vị	Min	Max	Trung bình
Lợi nhuận/năm	Nghìn đồng	500	500.000	42.348,5±90.389,7
Lợi nhuận/tháng	Nghìn đồng	41,7	41.666,7	3.529±7.532,5

3.1.4 Tình hình dịch bệnh và phòng bệnh

Dịch bệnh ảnh hưởng rất lớn đến năng suất chăn nuôi vì nếu dịch bệnh xảy ra thì sức khỏe, năng suất và chất lượng sản phẩm vật nuôi bị ảnh hưởng, đặc biệt có những bệnh bắt buộc phải tiêu hủy toàn bộ. Do đó, việc đánh giá tình hình dịch bệnh và phòng bệnh đóng vai trò quan trọng. Theo khảo sát về tình hình dịch bệnh cho thấy số hộ chăn nuôi xuất hiện bệnh cũng chiếm tỷ lệ khá cao. Cứ 100 hộ thì có 37,8 hộ chăn nuôi xuất hiện bệnh (Bảng 5). Mặc dù trong quá trình nuôi họ cũng có dùng biện pháp phòng chống dịch bệnh như tiêm định kỳ, vệ sinh chuồng trại với 87,2% hộ sử dụng các biện pháp này. Như

vậy có thể thấy rằng những biện pháp này vẫn chưa mang lại hiệu quả cao, nguyên nhân có thể do hộ chăn nuôi thực hiện và sử dụng các biện pháp này chưa đúng quy định (không đúng thời gian, không đúng số lượng, pha thuốc không đúng hướng dẫn, bảo quản không đúng cách...). Cần khuyến cáo thực hiện các biện pháp vệ sinh chuồng trại định kỳ, tiêm phòng vaccine đúng liệu trình và kết hợp thêm các biện pháp khác như nuôi cách ly, chọn giống chất lượng, tăng sức đề kháng cho vật nuôi, nuôi luân phiên,... Bệnh thường xuất hiện phổ biến nhất là dịch tả heo Châu Phi, cúm gia cầm và tụ huyết trùng. Đây cũng là lý do giải thích tại sao người dân không mạo hiểm nuôi với số lượng và quy mô lớn. Họ chọn nuôi với quy mô nhỏ, số lượng ít để tránh gây thiệt hại nặng về kinh tế gia đình nếu dịch bệnh xảy ra.

Bảng 5. Tình hình dịch bệnh và phòng bệnh

Chỉ tiêu		Số hộ	Phần trăm (%)	Tên bệnh thường gặp
Tình trạng xuất hiện bệnh	Có xuất hiện bệnh	14	37,8	-Dịch tả heo -Cúm gia cầm -Tụ huyết trùng
	Không xuất hiện bệnh	23	62,2	
Biện pháp phòng chống dịch bệnh	Tiêm định kỳ	12	25,5	
	Vệ sinh chuồng trại	29	61,7	
	Khác	6	12,8	

Không chỉ riêng ở những xã khảo sát mà tình hình dịch bệnh xảy ra hầu hết các tỉnh thành cả nước. Theo Thống kê chăn nuôi về một số kết quả chính của ngành chăn nuôi năm 2024 cho thấy ổ dịch lớn nhất là dịch tả heo châu Phi, kế đến là lở mồm long móng và dịch cúm gia cầm. Từ đó có thể cho thấy rằng muốn ngành chăn nuôi phát triển bền vững thì việc gia tăng quy mô phải đi đôi với chủ động phòng dịch bằng các biện pháp phòng ngừa hiệu quả.

3.2. Phân tích SWOT và đề xuất giải pháp phát triển ngành chăn nuôi

3.2.1. Phân tích điểm mạnh, khó khăn, cơ hội và thách thức (SWOT)

Điểm mạnh của ngành chăn nuôi

Nguồn nhân lực dồi dào là lợi thế lớn để phát triển chăn nuôi. Nguồn lực để phục vụ cho sản xuất chăn nuôi là lao động tại chổ từ hộ gia đình. Việc tận dụng nguồn lao động nhàn rỗi trong gia đình từ người trong độ tuổi và ngoài độ tuổi lao động giúp giảm chi phí sản xuất, tạo công ăn việc làm và giảm tệ nạn xã hội. Hơn nữa, mỗi hộ đã làm nghề này trong thời gian khá dài với trung bình 16,5 năm/hộ nên tích lũy nhiều kinh nghiệm và kỹ thuật sản xuất.

Một điểm mạnh nữa cũng khá vượt trội đó là nguồn thức ăn dồi dào và phong phú để phục vụ trong chăn nuôi. So với các xã khác của tỉnh thì xã Khánh Bình, Trần Văn Thời và Lương Thế Trân là 3 xã có diện tích đất nước ngọt để trồng lúa và rau màu lớn của tỉnh Cà Mau nên thuận lợi trong việc cung cấp nguồn thức ăn cho chăn nuôi. Điều này giúp giảm phần nào chi phí đầu vào trong chăn nuôi.

Điều kiện tự nhiên, khí hậu và môi trường thuận lợi cũng là một lợi thế để phát triển chăn nuôi. Phần lớn đất đai của 3 xã là đất phù sa ngọt nên tạo môi trường sống phù hợp cho gia súc gia cầm. Khí hậu nóng ẩm và không khí trong lành thích hợp cho vật nuôi tăng trưởng và phát triển.

Ngoài ra, những điểm mạnh khác của ngành nghề này gồm tạo thu nhập, nguồn vốn có sẵn, giải quyết công ăn việc làm cho lao động nông thôn,... Qua khảo sát để thu thập ý kiến của người dân về những thuận lợi cho việc chăn nuôi thì có đến 32% hộ nuôi cho rằng có lợi thế về sử dụng nguồn vốn sẵn có (Hình 2).

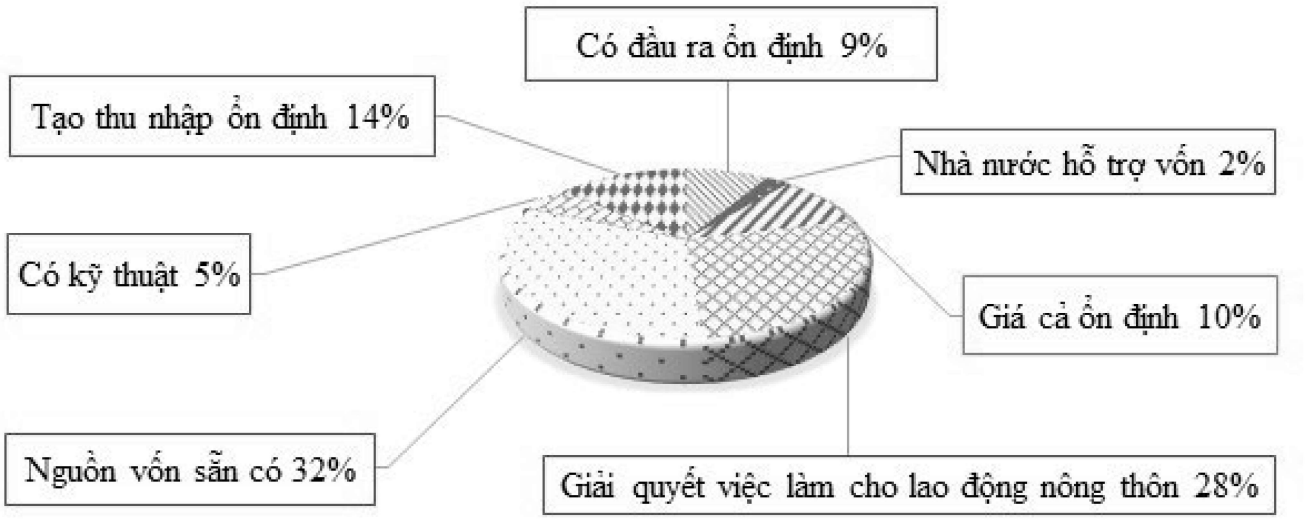

Hình 2. Biểu đồ phần trăm về đánh giá thuận lợi của ngành chăn nuôi

Thật vậy, hầu hết hộ dân không có vay ngân hàng và rất ít hộ nhận được sự hỗ trợ từ Nhà nước (2%) (Hình 2). Điều này cho thấy rằng hộ gia đình hoàn toàn có khả năng đầu tư sản xuất chăn nuôi với quy mô phù hợp. Hơn nữa, ngành nghề này cũng giải quyết việc làm cho lao động nông thôn nhàn rỗi trong tuổi và ngoài tuổi lao động (28%). Từ thực tế, người dân nơi đây sống bằng nghề trồng lúa. Trong thời gian từ việc chuẩn bị đất đến thu hoạch, người dân hoàn toàn có thể kết hợp việc chăm sóc lúa và chăn nuôi. Họ có thể tận dụng thời gian nhàn rỗi của mình để kiếm thêm thu nhập nên cũng tạo thu nhập ổn định (14%). Thêm vào đó, giá cả ổn định (10%) và có đầu ra ổn định (9%) và kỹ thuật (5%) cũng là những lợi thế lớn cho sản xuất chăn nuôi.

Khó khăn của ngành chăn nuôi

Bên cạnh những thuận lợi tạo lợi thế để phát triển chăn nuôi thì còn một số khó khăn gây cản trở sự phát triển sản xuất chăn nuôi. Điều đầu tiên phải kể đến đó là quy mô sản xuất mang tính chất nhỏ lẻ và tự phát. Hầu như chưa có đơn đặt hàng của Nhà nước hay khách hàng nên đầu ra chưa ổn định. Vì lý do đó họ chưa dám đầu tư nhiều và mở rộng quy mô nuôi. Bởi quy mô nuôi còn tùy thuộc vào nguồn vốn nên việc đầu tư số lượng giống phải phù hợp với khả năng của họ cũng như nguồn vốn sẵn có. Với nguồn vốn hạn chế của gia đình thì việc mở rộng quy mô nuôi là rất khó vì không những đầu tư cho con giống mà còn chi trả thêm chi phí khác như thức ăn, thú y, chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi,... Hơn nữa, hộ dân sử dụng con giống tự cung cấp khá nhiều. Đây cũng là một lý do khiến năng suất và chất lượng không cao do hiện tượng cận huyết làm giảm sức đề kháng.

Vấn đề thứ hai là nguồn lao động chủ yếu từ gia đình và lực lượng lao động chủ yếu là người lớn tuổi. Lực lượng lao động trẻ hầu như không tha thiết với nghề chăn nuôi gia đình. Họ chọn việc đi học với ngành nghề khác hoặc đi làm việc ở nơi khác. Lao động lớn tuổi là những người có nhiều kinh nghiệm, song trong tương lai nguồn lao động có thể theo hướng già hóa và cần có nguồn lực tiềm năng để thay thế.

Một vấn đề cũng khá là quan trọng đó là nguồn vốn hạn chế. Hầu hết người dân chỉ sử dụng nguồn vốn của gia đình, không có vay bên ngoài hoặc rất ít nhận được hỗ trợ từ Nhà nước. Để mở rộng quy mô sản xuất, nguồn vốn là vấn đề ưu tiên hàng đầu vì nếu không có vốn thì không thể nào đầu tư chuồng trại, mua con giống, thức ăn, thuốc, vaccine và hóa chất sát trùng chuồng trại,... Với nguồn vốn hạn hẹp từ gia đình thì việc mở rộng quy mô trở nên vô cùng khó khăn.

Ngoài ra, nhiều người dân ở tỉnh vẫn còn thiếu thông tin đầy đủ về thị trường tiêu thụ sản phẩm, nguồn giống chất lượng, giá cả, nhu cầu của khách hàng cũng như các tiến bộ khoa học kỹ thuật sản xuất trong chăn nuôi. Điều này

khiến họ gặp khó khăn trong việc đưa ra quyết định sản xuất và tiêu thụ hợp lý. Việc thiếu thông tin khiến người dân khó khăn trong việc dự đoán xu hướng thị trường và xác định nhu cầu thực tế. Họ cũng không tiếp cận được các kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến, dẫn đến việc năng suất thấp và sản phẩm không đạt chất lượng cao. Điều này ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của ngành chăn nuôi tại địa phương.

Một vấn đề nữa đó là chất lượng giống vật nuôi. Chất lượng giống là yếu tố quyết định đến năng suất và chất lượng sản phẩm vật nuôi. Tuy nhiên, đa phần hộ chăn nuôi tự sản xuất giống hoặc mua giống có sẵn tại địa phương từ hộ chăn nuôi lân cận để giống, chưa qua kiểm định chất lượng giống. Hình thức tự nhân giống rồi bán lại cho các hộ nuôi lân cận đã trở nên phổ biến. Việc này về lâu dài sẽ khiến cho chất lượng giống ngày càng giảm do hiện tượng cận huyết hoặc lai tạp với các giống có năng suất thấp làm giảm khả năng sinh sản, sinh trưởng và sức đề kháng yếu. Điều này kéo theo phẩm chất con giống giảm, dịch bệnh gia tăng, gây thiệt hại về kinh tế.

Riêng về tình hình tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi cho thấy khó khăn lớn nhất đó là chưa có hệ thống liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm (43%) (Hình 3). Hiện tại ngành chăn nuôi tại địa bàn chưa có hệ thống liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Người dân tự sản xuất và tự tìm đầu ra nên đầu ra không đảm bảo và giá cả không ổn định. Nếu việc sản xuất sản phẩm nào đó mà người dân còn băn khoăn không biết đầu ra như thế nào, bán cho ai và bán ở đâu thì người dân không thể an tâm sản xuất và mạnh dạn đầu tư. Chỉ có 12% hộ cho rằng khó khăn về cạnh tranh mẫu mã và giá sản phẩm nhập khẩu và 5% hộ cho rằng khó khăn trong tiêu thụ là người mua không tin tưởng vào chất lượng sản phẩm (Hình 3). Mặc dù đây cũng không phải là khó khăn lớn lắm, song cũng là yếu tố gây nên hạn chế trong xuất khẩu cũng như mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

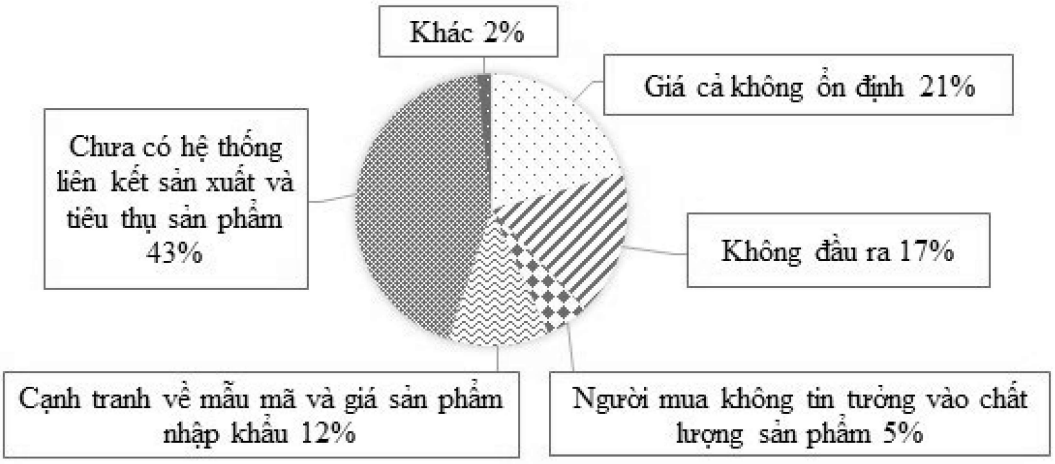

Hình 3. Khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi

Cơ hội trong chăn nuôi

Ngành chăn nuôi đang nhận được sự quan tâm rất lớn từ Nhà Nước và được xem là một trong những ngành nghề tiềm năng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế của đất nước. Một trong những chính sách của Chính phủ đã ban hành và thực thi đó là Nghị định 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 quy định về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi. Nghị định này áp dụng cho các đối tượng tổ chức, cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp có chăn nuôi trang trại quy mô vừa và lớn được hỗ trợ chi phí và con giống chăn nuôi. Nếu người dân được tiếp cận với chương trình này thì đây là cơ hội lớn để người dân có thể mở rộng quy mô sản xuất và an tâm sản xuất vì theo chương trình này thì người dân sẽ tham gia vào chuỗi liên kết sản xuất và có đầu ra ổn định. Ngoài ra, Nhà Nước cũng đã và đang áp dụng chính sách hỗ trợ mở các lớp đào tạo nghề và kỹ thuật sản xuất cho lao động nông thôn và cung cấp giống cho sản xuất. Điều này cho thấy sự quan tâm rất lớn từ các cấp cấp các ngành là cơ hội tốt trong chăn nuôi.

Trong điều kiện hội nhập quốc tế và mở cửa nền kinh tế như hiện nay với một số sản phẩm không bị đánh thuế hoặc giảm thuế xuất nhập khẩu thì đây là cơ hội tốt để phát triển thị trường tiêu thụ chăn nuôi. Việc tiêu thụ sản phẩm chế biến thay vì tiêu thụ sản phẩm thô ngày càng trở nên thịnh hành và có nhu cầu nhu cầu tiêu thụ cao đối với khách hàng cả trong nước và ngoài nước vì đa phần mọi người đều đi làm và không có thời gian để chế biến. Do đó, việc đa dạng hóa sản phẩm chế biến từ nguyên liệu chăn nuôi với mẫu mã đẹp và đạt chất lượng theo tiêu chuẩn sẽ mang lại nhiều cơ hội lớn cho tiếp cận thị trường ngoài tỉnh và thế giới.

Thêm nữa, người dân có cơ hội học tập, nghiên cứu, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Với sự phát triển vượt bậc công nghệ thông tin và thời kỳ công nghệ số thì người dân hoàn toàn có thể tự học mọi lúc mọi nơi. Có nhiều kỹ thuật sản xuất mới và thành công ở nhiều nơi được đăng trên trang web chính thống. Hầu như mạng lưới điện và mạng wifi đều được phủ khắp cả nước, trừ trường hợp vùng sâu vùng xa còn hạn chế nên mọi người đều có thể tự nghiên cứu và học hỏi.

Thách thức trong chăn nuôi

Mặc dù ngành chăn nuôi có những lợi thế nhất định, song ngành nghề này còn phải đối mặt với nhiều thách thức gây trở ngại phát triển. Trong số đó, hội nhập quốc tế vừa là cơ hội vừa là thách thức lớn vì sản phẩm chăn nuôi đang ngày càng cạnh tranh quyết liệt với sản phẩm nhập khẩu vào nước như giá cả, mẫu mã và chất lượng sản phẩm. Với xu thế hội nhập và mở cửa nền kinh tế, ngành chăn nuôi ở Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các sản phẩm nhập khẩu từ các nước lân cận. Các sản phẩm nhập khẩu với chất lượng đồng đều, mẫu mã đẹp và giá cả thấp, thường chiếm ưu thế trên thị trường, đặc biệt là ở các thành phố lớn và khu vực xuất khẩu. Việc cạnh tranh không chỉ ở giá cả mà còn ở chất lượng và mẫu mã sản phẩm khiến cho các sản phẩm chăn nuôi trong nước, đặc biệt là những sản phẩm được bán thô mà chưa qua chế biến, khó có thể cạnh tranh. Nếu không có các chiến lược phát triển sản phẩm, cải thiện chất lượng và mẫu mã, ngành chăn nuôi địa phương có thể sẽ bị thu hẹp.

Thêm vào đó là thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi vẫn còn hạn chế, chủ yếu tập trung trong phạm vi nội tỉnh và chưa có sự kết nối mạnh mẽ với các thị trường ngoài tỉnh và quốc tế. Sự thiếu hụt về các kênh phân phối ổn định, không có sự tham gia của các doanh nghiệp lớn trong việc liên kết tiêu thụ sản phẩm. Đầu ra của sản phẩm rất bấp bênh vì đa phần người dân tự tìm đầu ra. Hơn nữa, họ chỉ bán dạng thô như trứng, thịt, lông, con giống và không có sản phẩm chế biến sâu từ chăn nuôi. Điều này làm cho giá trị sản phẩm chưa cao và giá cả ở mức còn thấp.

Hơn nữa, dịch bệnh cũng là một trong những thách thức vô cùng quan trọng, ảnh hưởng đến năng suất chăn nuôi ở các xã thuộc tỉnh Cà Mau. Mặc dù người dân đã áp dụng các biện pháp phòng bệnh như tiêm chủng và vệ sinh chuồng trại, nhưng hiệu quả của những biện pháp này còn hạn chế. Các dịch bệnh như dịch tả heo, cúm gia cầm và tụ huyết trùng vẫn thường xuyên xảy ra, gây thiệt hại lớn về năng suất và chi phí cho các hộ gia đình. Dịch bệnh không chỉ làm giảm năng suất mà còn gây thiệt hại về kinh tế, khiến người chăn nuôi ngần ngại trong việc đầu tư mở rộng quy mô. Nếu dịch bệnh không được kiểm soát tốt, người dân sẽ không dám đầu tư vào ngành chăn nuôi quy mô lớn, dẫn đến việc sản xuất bị thu hẹp và thiếu sự phát triển bền vững.

Tóm lại, để ngành chăn nuôi phát triển một cách bền vững thì cần tập trung vào chiến lược SO (Strengths and Opportunities) và chiến lược WT (Weakeness and Threats) và được tóm tắt ngắn gọn ở Bảng 6. Điều này có nghĩa là tận dụng điểm mạnh và cơ hội để đẩy mạnh phát triển mô hình chăn nuôi theo hướng sinh học, an toàn và chất lượng. Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, thúc đẩy mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Tận dụng nguồn lao động nhàn rỗi của địa phương trong sản xuất. Đồng thời khắc phục những khó khăn để vượt qua thách thức. Tăng cường đào tạo kỹ thuật chăn nuôi mới theo tiêu chuẩn đạt chứng nhận chất lượng cho người dân, hỗ trợ vốn và đầu ra sản phẩm.

Bảng 6. Tóm tắt điểm mạnh, khó khăn, cơ hội và thách thức (SWOT) trong lĩnh vực chăn nuôi

Điểm mạnh	**Cơ hội**
- Nguồn nhân lực dồi dào và có nhiều kinh nghiệm. - Nguồn thức ăn có sẵn dồi dào và phong phú. - Điều kiện tự nhiên, khí hậu và môi trường thuận lợi. - Tạo thêm thu nhập, nguồn vốn sẵn có, giải quyết việc làm,...	- Được sự quan tâm từ Nhà Nước và là ngành nghề trọng tâm để phát triển kinh tế. - Hội nhập quốc tế là cơ hội tốt để phát triển thị trường tiêu thụ. - Công nghệ thông tin phát triển, người dân có cơ hội học tập, nghiên cứu, tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật mới.
Khó khăn	**Thách thức**
- Quy mô sản xuất mang tính chất nhỏ lẻ và tự phát. - Nguồn vốn hạn chế. - Sản xuất chăn nuôi theo kiểu truyền thống. - Nguồn lao động chủ yếu là lao động lớn tuổi. - Sản phẩm chăn nuôi bán dạng thô, không có sản phẩm chế biến sâu. - Chất lượng giống nuôi ngày càng giảm. - Thiếu thông tin đầy đủ về thị trường, nguồn giống chất lượng, giá cả, nhu cầu của khách hàng cũng như các tiến bộ khoa học kỹ thuật.	- Hội nhập quốc tế tạo ra sự cạnh tranh về chất lượng, giá thành và mẫu mã với sản phẩm nhập khẩu. - Có rất ít hộ tiếp cận được với chương trình hỗ trợ phát triển chăn nuôi của Nhà nước và không có hộ nào vay vốn ngân hàng. - Dịch bệnh chưa kiểm soát tốt. - Thị trường tiêu thụ còn hẹp, chủ yếu bán trong tỉnh.

3.2.2. Giải pháp thúc đẩy phát triển ngành chăn nuôi

Phân tích SWOT nhằm mục đích xác định những điểm mạnh, khó khăn, cơ hội và thách thức, từ đó đưa ra giải pháp thúc đẩy phát triển từ việc tận dụng cơ hội và thuận lợi hiện có, tìm cách khắc phục những hạn chế còn tồn tại và vượt qua thách thức. Để đẩy mạnh phát triển ngành nghề chăn nuôi ở địa phương và sản phẩm đủ sức cạnh tranh và vươn ra thị trường ngoài tỉnh và thế giới thì cần phải có những giải pháp đồng bộ từ việc cải thiện cơ sở hạ tầng, tăng cường hỗ trợ về kỹ thuật và vốn cho người dân, đồng thời phát triển các chiến lược marketing và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Từ những phân tích trên nhóm nghiên cứu đưa ra một số đề xuất sau:

Thứ nhất là cần quy hoạch các xã thuộc tỉnh Cà Mau là vùng trọng điểm chăn nuôi nhằm khai thác triệt để các lợi thế về điều kiện tự nhiên, đất đai, khí hậu và nguồn nhân lực nhàn rỗi tại địa phương. Điều này tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý, hỗ trợ và phát triển chăn nuôi. Để thực hiện quy hoạch này thì cơ quan Nhà nước có vai trò rất lớn trong việc hỗ trợ phát triển hệ thống liên kết sản xuất giữa hộ gia đình, doanh nghiệp để tạo ra một chuỗi giá trị sản phẩm hoàn chỉnh từ sản xuất đến nơi tiêu thụ, từ đó đảm bảo ổn định đầu ra và giá sản phẩm. Thêm nữa, Nhà nước cần khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vốn vào chăn nuôi với quy mô lớn, đầu tư trang thiết bị quản lý và kiểm soát thức ăn và môi trường sống nhằm tăng chất lượng và năng suất nuôi. Ngoài ra, Nhà nước cần hỗ trợ tập huấn cho người dân về kỹ thuật nuôi theo tiêu chuẩn chất lượng và hướng dẫn người dân về các biện pháp phòng tránh dịch hại một cách chặt chẽ. Với những giải pháp trên sẽ giúp các xã thuộc tỉnh Cà Mau trở thành những địa phương có ngành chăn nuôi phát triển mạnh mẽ, tạo ra công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người dân.

Việc tăng cường các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ cho hộ chăn nuôi là một giải pháp quan trọng nhằm gia tăng quy mô sản xuất và nâng cao hiệu quả chăn nuôi. Một trong những chương trình trọng tâm của Chính phủ vừa ban hành đó là Nghị định 106/2024/NĐ-CP với các chính sách hỗ trợ chi phí giống, thuốc men và cải thiện điều kiện chăn nuôi cho các hộ gia đình. Tuy nhiên, hiện tại, nhiều hộ dân vẫn chưa được tiếp cận đầy đủ với các chương trình này.

Để giúp cho người dân tiếp cận các chương trình nhà nước trong phát triển chăn nuôi thì cơ quan ban ngành cấp huyện cần phổ biến các chính sách hỗ trợ của chính phủ đến từng hộ gia đình thông qua các buổi tập huấn, hội thảo và các phương tiện truyền thông đại chúng. Qua đó, hướng dẫn các bước chi tiết, cụ thể, rõ ràng với các thủ tục hồ sơ đơn giản hóa để người dân dễ tiếp cận và thực hiện tốt. Cần có chính sách hỗ trợ tài chính với các chương trình vay vốn ưu đãi với lãi suất thấp cho cho các doanh nghiệp hoặc hộ chăn nuôi để họ mạnh dạn đầu tư công nghệ, giống nuôi chất lượng và các thiết bị cần thiết khác. Cần phối hợp tốt giữa cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp và người dân trong việc hỗ trợ vốn, thị trường tiêu thụ và kỹ thuật sản xuất mới nhằm giúp cho người dân gia tăng sản xuất với quy mô lớn với thị trường tiêu thụ ổn định.

Giải pháp thứ ba đó là mở rộng quy mô sản xuất kết hợp với kiểm soát tốt dịch bệnh. Mở rộng quy mô sản xuất là một yếu tố then chốt giúp ngành chăn nuôi phát triển. Tuy nhiên, việc này phải đi kèm với các biện pháp kiểm soát dịch bệnh hiệu quả để giảm thiểu rủi ro về kinh tế vì nếu dịch bệnh bùng phát sẽ ảnh hưởng lớn đến năng suất nuôi và lợi nhuận. Chính vì điều này, cần phải áp dụng các biện pháp phòng chống dịch bệnh như tiêm phòng định kỳ, vệ sinh chuồng trại, nuôi cách ly hoặc nuôi luân phiên (không nuôi liên tục một loài vật nuôi trong thời gian dài). Nhà nước cần đến từng nhà để kiểm soát, theo dõi tình hình chăn nuôi ở địa phương để đưa ra khuyến cáo hay những hướng dẫn xử lý kịp thời. Ngoài ra, người dân cần áp dụng các kỹ thuật sản xuất mới theo hướng an toàn chất lượng như ứng dụng công nghệ vi sinh trong chăn nuôi hoặc sử dụng các thiết bị theo dõi, giám sát điều kiện môi trường và tình trạng vật nuôi như công nghệ cảm biến, phần mềm quản lý trang trại, các thiết bị kiểm soát liều lượng và chất lượng ăn,...

4. Kết luận

Ngành chăn nuôi là một trong những ngành rất quan trọng, đóng góp một phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế hộ gia đình nói riêng và kinh tế xã hội của tỉnh nhà nói chung. Đánh giá thực trạng của tình hình chăn nuôi cho thấy ngành này có tiềm năng và lợi thế lớn để thúc đẩy phát triển. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố chủ quan và khách quan mà chưa khai thác hết tiềm năng và lợi thế này. Vẫn còn một số khó khăn và hạn chế nhất định trở thành rào cản. Một trong những hạn chế tồn tại đó là nguồn vốn, thị trường tiêu thụ và vấn đề dịch bệnh. Do đó, để ngành chăn nuôi trở thành một trong những ngành nghề trọng tâm của tỉnh thì cần tận dụng hết những cơ hội, lợi thế, cần áp dụng một số giải pháp, đưa ra chính sách để khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức và việc này cần phải thực hiện đồng bộ, kịp thời và hiệu quả. Đặc biệt là cần có sự quan tâm hơn nữa của các cấp, các ngành và sự liên kết của doanh nghiệp trong việc hỗ trợ vốn, kỹ thuật sản xuất và đầu ra sản phẩm. Điều này giúp tạo điều kiện tốt để mở rộng quy mô sản xuất, góp phần tạo công ăn việc làm, tạo thu nhập và cải thiện đời sống người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nghị định 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

Nguyen Van Thu. (2015). Livestock production systems adapting to the Global Crises in Tropical deveploping countries - A Review. *Can Tho University Journal of Science*. No. 01: 69-80.

Nguyễn Văn Thu và Nguyễn Thị Kim Đông. (2023). Hiện trạng và định hướng phát triển chăn nuôi vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. Viện Chăn nuôi. *Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi*. Số 138: 14-25.

Thống kê chăn nuôi. (2024). Một số kết quả chính của ngành chăn nuôi năm 2024. Ngày đăng 02/02/2025. Trang web: https://nhachannuoi.vn/tong-quan-nganh-chan-nuoi-nam-2024/?gidzl=CHC-D9wYTquo13iochnrGJK5Fpg7ltT3VWThQThg9HLm06bdtUmX5IHGQphTwISIS51eO3ISY7rBdwvpIm.